

Số: 84 /2016/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung một số điều của Quy định chính sách khuyến khích phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014 - 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Người ký: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Quảng Ninh
Email:
vpubnd@quangninh
.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng
Ninh
Thời gian ký:
12.01.2016 16:09:28
+07:00

Căn cứ Luật Tổ Chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015

Căn cứ Nghị quyết số 231/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khóa XII kỳ họp thứ 22 “Về việc bổ sung Nghị quyết số 164/2014/NQ-HĐND ngày 18/11/2014 về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa tập trung tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014 -2016”;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 34/TTr-NN&PTNT ngày 07 tháng 01 năm 2016 và Báo cáo thẩm định số 01/BC-STP ngày 05/01/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số điều của Quy định chính sách khuyến khích phát triển hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2014 - 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung đối tượng áp dụng tại Khoản 2, Điều 1, như sau.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, nghiệp đoàn, hộ gia đình và cá nhân (gọi chung là người sản xuất) thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến, kinh doanh các sản phẩm lợi thế của địa phương (bao gồm cả các sản phẩm, dịch vụ thuộc Chương trình tỉnh Quảng Ninh mỗi xã, phường một sản phẩm) và các nghiệp đoàn nghề cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Bổ sung Điểm 1.5, Khoản 1, Điều 2 điều kiện áp dụng, như sau.

1.5- Đầu tư xây dựng Trung tâm giới thiệu sản phẩm thuộc chương trình OCOP Quảng Ninh; xây dựng mới hoặc thuê cửa hàng hoặc quầy hàng (gian hàng) kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn.

3. Bổ sung Điểm d, Điểm e, Khoản 1, Điều 7 về mức hỗ trợ, như sau.

- Hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất khi xây dựng mới hoặc thuê cửa hàng, gian hàng để kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn trên địa bàn Tỉnh, cụ thể như sau:

d. Hỗ trợ xây dựng mới các cửa hàng, gian hàng kinh doanh nông sản an toàn.

- Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng cửa hàng, gian hàng kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, cụ thể:

+ Xây dựng mới tại các phường thuộc thị xã, thành phố, mức hỗ trợ 1 lần tối đa không quá 100 triệu đồng/01 cửa hàng, gian hàng;

+ Xây dựng mới tại các vùng còn lại (các xã, thị trấn), mức hỗ trợ 1 lần tối đa không quá 50 triệu đồng/01 cửa hàng, gian;

- Hỗ trợ tối đa không quá 03 cửa hàng/huyện, thị xã, thành phố.

e. Hỗ trợ thuê cửa hàng, gian hàng kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn:

- Hỗ trợ 50% kinh phí thuê cửa hàng, gian hàng kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn, cụ thể:

+ Cửa hàng, gian hàng tại các Phường thuộc thị xã, thành phố, mức hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/tháng/01 cửa hàng, gian hàng; thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng kể từ ngày bán hàng.

+ Cửa hàng, gian hàng đặt tại các vùng còn lại (các xã, thị trấn), mức hỗ trợ tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/01 cửa hàng, gian hàng; thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng kể từ ngày bán hàng.

- Hỗ trợ tối đa không quá 10 cửa hàng, gian hàng/huyện, thị xã, thành phố.

4. Bổ sung Điểm e, Khoản 2, Điều 7 về điều kiện hỗ trợ như sau.

e. Đối với xây dựng mới và thuê cửa hàng, quầy hàng đáp ứng các điều kiện sau:

- Các sản phẩm trưng bày và bán tại các cửa hàng, quầy hàng phải có giấy chứng nhận sản phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với trường hợp xây dựng mới: Tại các phường thuộc thị xã, thành phố diện tích tối thiểu 40m²/cửa hàng; tại các địa bàn còn lại diện tích tối thiểu là 25 m²/cửa hàng.

- Đối với thuê cửa hàng diện tích tối thiểu 25m²/cửa hàng; Đối với thuê quầy hàng kinh doanh tại các chợ hoặc các khu dân cư, đơn vị, xí nghiệp... diện tích tối thiểu 9m²/quầy hàng;

- Có cam kết thời gian kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với xây mới; có hợp đồng thuê cửa hàng, gian hàng ổn định từ 02 năm trở lên hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng, gian hàng.

5. Bổ sung điều kiện hỗ trợ tại Tiết d, Mục 2.1.1 và Tiết e, Mục 2.1.2, Khoản 2, Điều 8 cụ thể như sau:

Chủ dự án là Doanh nghiệp mỗi dự án đầu tư phải đảm bảo quy mô diện tích, số lượng vật nuôi tối thiểu gấp 10 lần quy định đối với cá nhân, hộ gia đình.

6. Bổ sung điều kiện hỗ trợ tại Khoản 2, Điều 9 cụ thể như sau:

Chủ dự án là Doanh nghiệp thì mỗi dự án đầu tư phải đảm bảo quy mô trồng rừng trên diện tích tối thiểu 100 ha/dự án.

7. Sửa đổi Điều 11 về Hỗ trợ lãi suất.

Các dự án thuộc danh mục sản phẩm chủ lực cấp tỉnh phê duyệt (triển khai thực hiện theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung), người sản xuất được áp dụng mức hỗ trợ lãi suất tại quyết định số 4024/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan hướng dẫn bổ sung trình tự thủ tục lập hồ sơ, thanh quyết toán kinh phí các nội dung được hỗ trợ quy định tại Chính sách đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, trên tinh thần không phát sinh thêm thủ tục hành chính;

- Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn đến người dân, doanh nghiệp và thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát dự án đảm bảo theo quy định; Chủ động lồng ghép và bố trí nguồn lực của địa phương để thực hiện đảm bảo hiệu quả thiết thực.

+ Quyết định số lượng, địa điểm cụ thể các cửa hàng, quầy hàng (gian hàng) kinh doanh các sản phẩm nông sản an toàn trên địa bàn được hưởng chính sách hỗ trợ này, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và chịu trách nhiệm trước quyết định của mình theo quy định.

Điều 3. Chính sách này được áp dụng thực hiện từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Xây dựng nông thôn mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT, Nông nghiệp PTNT, Bộ Tài Chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Ban KT ngân sách HĐND tỉnh;
- TT thông tin;
- V0, V1-4, NLN2, XD2;
- Lưu: VT, NLN1 (50b-QĐ02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu